|  |  |
| --- | --- |
| UBND THỊ XÃ KINH MÔN  **TRƯỜNG TIỂU HỌC DUY TÂN**  Số: /KH-THDT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

*Duy Tân, ngày 05 tháng 08 năm 2022*

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, năm học 2022-2023**

    Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ vào phân công nhiệm vụ chuyên môn giáo viên của đ/c Hiệu trưởng nhà trường,

Chuyên môn trường Tiểu học Duy Tân hướng dẫn giáo viên thực hiện dạyhọc 2 buổi/ngày năm học 2022 -2023 như sau:.

**I. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG**

**1. Chương trình**

**1.1. Đối với lớp 1, 2, 3**

- Đảm bảo Kế hoạch giáo dục theo CTGDPT 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

- Hệ thống môn học và hoạt động giáo dục gồm các môn học và HĐGD bắt buộc

- Chương trình giáo dục bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mĩ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống.

**1.2. Đối với lớp 4, lớp 5**

**-** Đảm bảo số tiết dạy học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006.

**2. Nội dung**

**-**  Nội dung dạy học ở buổi buổi  thứ 2 tập trung vào việc thực hành các kiến thức đã học giúp học sinh chưa hoàn thành môn học và HS còn hạn chế về môn họcvươn lên hoàn thành yêu cầu học tập.

- Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Toán, Tiếng Việt, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC, Tiếng Anh, Tin học; dạy học các môn tự chọn như Tin học (Lớp 2, 4, 5), Kĩ năng sống, Ngoại ngữ.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp và giáo dục kĩ năng sống, ATGT, tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thực tế ở địa phương; các hoạt động trải nghiệm...

**II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC**

-  Đảm bảo việc tổ chức dạy học sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, phát triển phẩm chất, năng lực, tích hợp các nội dung: Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Hoạt động tập thể thành hoạt động tổng hợp có định hướng theo chủ đề, tăng cường các hình thức học theo nhóm như nhóm Vẽ, Hát - Múa, nhảy dance, thể thao, Tiếng Anh, Tin học, KNS...

-  Đối với môn Toán\*, Tiếng Việt\* ở buổi 2 cần phân loại đối tượng HS để dạy theo nhóm các đối tượng. Kết hợp tổ chức các hoạt động *học mà vui* để học sinh bớt căng thẳng. Học sinh được tự học có sự hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung học tập tại lớp, nghiêm cấm việc giao bài tập về nhà cho học sinh. GV giảng dạy quan tâm đến các cuộc thi, giao lưu như TNTV, TNTT, Olimpic, IOE, ... để bồi dưỡng cho HS.

- Đối với Hoạt động GDNGLL: Căn cứ vào chủ đề năm học, chủ đề từng tháng, của Đoàn Đội và các nội dung giáo dục lồng ghép (Giáo dục môi trường, giáo dục quyền và bổn phận trẻ em, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục kĩ năng sống, giáo dụng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giáo dục Quốc phòng An ninh, giáo dục Đạo đức Bác Hồ....) và tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động GDNGLL do SGD&ĐTvà Bộ GD&ĐT biên soạn, nhà trường giao quyền cho giáo viên lựa chọn những nội dung phù hợp chủ đề để tổ chức các hoạt động GDNGLL cho học sinh dưới sự giám sát của nhà trường. Từ lớp 4 đến lớp 5, 2 tuần thực hiện dạy HĐNGLL, 1 tuần dạy 1 tiết Thư viện. Đối với lớp 1,2, 3 dạy tiết thư viện 1 tiết/tuần.

- Đối với các hoạt động trải nghiệm, mỗi lớp, mỗi học kì tổ chức 2 hoạt động. Một hoạt động tập thể tại lớp học, kết hợp với phụ huynh học sinh, 1 trải nghiệm gắn với phân môn, bài học cụ thể như Tập làm văn, Địa lí, Đạo đức, Kĩ thuật, Tự nhiên xã hội,… Đối với lớp 1, 2, 3 HĐTN là HĐGD bắt buộc được tổ chức dưới hình thức: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt theo chủ điểm, sinh hoạt lớp, ngoài ra tham gia các hoạt động của nhà trường.

  - Dạy ATGT: Thực hiện theoCông văn số 303/SGDĐT - GDTH, ngày 30 tháng 3 năm 2021 của SGD&ĐT Hải Dương V/v Triển khai dạy học Bộ tài liệu “Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh Tiểu học” theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực người học từ học kì II năm học 2020-2021.

**III/ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH THỜI KHÓA BIỂU DẠY HỌC 2 BUỔI/NGÀY**

1. **Đối với lớp 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung giáo dục** | | **Số tiết/năm** | **Số tiết/tuần** | **GC** |
|  | **I. Môn học bắt buộc** | **770** | **22** |  |
| 1. Tiếng Việt | | 420 | 12 |  |
| 2. Toán | | 105 | 3 |  |
| 3. Đạo đức | | 35 | 1 |  |
| 4. Tự nhiên - Xã hội | | 70 | 2 |  |
| 5. Nghệ thuật: 5.1 Âm nhạc | | 35 | 1 |  |
| 5.2 Mỹ thuật | | 35 | 1 |  |
| 6. Giáo dục thể chất | | 70 | 2 |  |
|  | **II. Hoạt động giáo dục bắt buộc** | **105** | **3** |  |
| 1. Hoạt động trải nghiệm | | 105 | **3** |  |
| + Chào cờ | | 35 | 1 |  |
| + Theo chủ điểm | | 35 | 1 |  |
| + Sinh hoạt lớp | | 35 | 1 |  |
| *Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)* | |  | ***25*** |  |
| *Số tiết trung bình/năm (Không kể các môn học tự chọn)* | | ***875*** |  |  |
|  | **III. Môn học tự chọn** | **140** | **4** |  |
| 1. Ngoại ngữ 1 | | 70 | 2 |  |
| 2. Ngoại ngữ có yếu tố nước ngoài | | 35 | 1 |  |
| 3. KNS | | 35 | 1 |  |
| **IV. 2 buổi/ngày** | | **205** | **6** |  |
| 1. Tiếng Việt\* (Ôn tập) | | 105 | 3 |  |
| 2. Toán\* (Ôn tập) | | 70 | 2 |  |
| 3. Hoạt động NGLL (ATGT, GD Địa phương, Tiết học thư viện) | | 35 | 1 |  |
| **Tổng** | | **1225** | **35** |  |

\* Hoạt động NGLL:

+ Tuần 2,3,5,6,7 Dạy ATGT, Tuần 4,8,12,16,20,24,28,32,45: Dạy Tiết học thu viện

+ Tuần 9,10,… các tuần còn lại dạy NDGD địa phương (Theo tài liệu *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 1 tỉnh Hải Dương).*

***\*Tổng số tiết /năm 1225 = Môn học bắt buộc (770 tiết) + Hoạt động giáo dục bắt buộc (105 tiết) + Môn học tự chọn (140 tiết) + 2 buổi/ngày (205 tiết)***

***Tổng số tiết /tuần 35 = Môn học bắt buộc (22 tiết) + Hoạt động giáo dục bắt buộc (3 tiết)+ Môn học tự chọn (4 tiết) + 2 buổi/ngày (6 tiết).***

**2. Đối với lớp 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung giáo dục** | | | **Số tiết/năm** | **Số tiết/tuần** | **GC** |
|  | **I. Môn học bắt buộc** | | **770** | **22** |  |
| 1. Tiếng Việt | | | 350 | 10 |  |
| 2. Toán | | | 175 | 5 |  |
| 3. Đạo đức | | | 35 | 1 |  |
| 4. Tự nhiên - Xã hội | | | 70 | 2 |  |
| 5. Nghệ thuật: | | 5.1 Âm nhạc | 35 | 1 |  |
| 5.2 Mỹ thuật | 35 | 1 |  |
| 6. Giáo dục thể chất | | | 70 | 2 |  |
|  | **II. Hoạt động giáo dục bắt buộc** | | **105** | **3** |  |
| 1. Hoạt động trải nghiệm | | | 105 | **3** |  |
| + Chào cờ | | | 35 | 1 |  |
| + Theo chủ điểm | | | 35 | 1 |  |
| + Sinh hoạt lớp | | | 35 | 1 |  |
| *Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)* | | |  | ***25*** |  |
| *Số tiết trung bình/năm (Không kể các môn học tự chọn)* | | | ***875*** |  |  |
|  | **III. Môn học tự chọn** | | **140** | **4** |  |
| 1. Ngoại ngữ 1 | | | 70 | 2 |  |
| 2. Ngoại ngữ có yếu tố nước ngoài | | | 35 | 1 |  |
| 3. Kĩ năng sống | | | 35 | 1 |  |
| **IV. 2 buổi/ngày** | | | **210** | **6** |  |
| 1. Tiếng Việt\* (Ôn tập) | | | 105 | 3 |  |
| 2. Toán\* (Ôn tập) | | | 70 | 2 |  |
| 3. Hoạt động NGLL: (ATGT, GD Địa phương, Tiết học thư viện). | | | 35 | 1 |  |
| **Tổng:** | | | **1225** | **35** |  |

\* Hoạt động NGLL:

+ Tuần 2,3,5,6,7 Dạy ATGT, Tuần 4,8,12,16,20,24,28,32,45: Dạy Tiết học thư viện

+ Tuần 9,10,… các tuần còn lại dạy NDGD địa phương (Theo tài liệu *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 2 tỉnh Hải Dương).*

***\*Tổng số tiết /năm 1225= Môn học bắt buộc (770tiết) + Hoạt động giáo dục bắt buộc (105 tiết) + Môn học tự chọn (140 tiết) + 2 buổi/ngày (210 tiết)***

***Tổng số tiết /tuần 35 = Môn học bắt buộc (22tiết) + Hoạt động giáo dục bắt buộc (3tiết)+ Môn học tự chọn (4 tiết) + 2 buổi/ngày (6 tiết).***

**3. Đối với lớp 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung giáo dục** | | **Số tiết/năm** | **Số tiết/tuần** | **GC** |
|  | **I. Môn học bắt buộc** | **875** | **25** |  |
| 1. Tiếng Việt | | 245 | 7 |  |
| 2. Toán | | 175 | 5 |  |
| 3. Đạo đức | | 35 | 1 |  |
| 4. Tự nhiên - Xã hội | | 70 | 2 |  |
| 5. Nghệ thuật: | |  |  |  |
| 5.1. Âm nhạc | | 35 | 1 |  |
| 5.2. Mỹ thuật | | 35 | 1 |  |
| 6. Giáo dục thể chất | | 70 | 2 |  |
| 7. Công nghệ | | 35 | 1 |  |
| 8. Tin học | | 35 | 1 |  |
| 9. Tiếng Anh | | 140 | 4 |  |
|  | **II. Hoạt động giáo dục bắt buộc** | **105** | **3** |  |
| 1. Hoạt động trải nghiệm | | 105 | **3** |  |
| + Chào cờ | | 35 | 1 |  |
| + Theo chủ điểm | | 35 | 1 |  |
| + Sinh hoạt lớp | | 35 | 1 |  |
| *Số tiết trung bình/tuần* | |  | **28** |  |
| *Số tiết trung bình/năm* | | **980** |  |  |
| **II. Môn tự chọn** | | **70** | **2** |  |
| 1. Ngoại ngữ có yếu tố nước ngoài | | 35 | 1 |  |
| 2. Kĩ năng sống | | 35 | 1 |  |
| **IV. 2 buổi/ngày** | | **140** | **5** |  |
| 1. Tiếng Việt\* (Ôn tập) | | 70 | 2 |  |
| 2. Toán\* (Ôn tập) | | 70 | 2 |  |
| 3. Hoạt động NGLL | | 35 | 1 |  |
| **Tổng:** | | **1225** | **35** |  |

\* Hoạt động NGLL:

+ Tuần 2, 3, 5, 6, 7 Dạy ATGT, Tuần 4, 8, 12,16, 20, 24, 28, 32, 45 (Tuần cuối tháng): Dạy Tiết học thư viện.

+ Tuần 9,10,… các tuần còn lại dạy NDGD địa phương (thực hiện khi có SGK và hướng dẫn của SGD) .(Theo tài liệu *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 3 tỉnh Hải Dương)*

***\*Tổng số tiết /năm 1225 = Môn học bắt buộc (875tiết) + Hoạt động giáo dục bắt buộc (105 tiết) + Tự chọn (70 tiết); 2 buổi/ngày (140 tiết)***

***Tổng số tiết /tuần 35 = Môn học bắt buộc (25tiết) + Hoạt động giáo dục bắt buộc (3 tiết)+ Tự chọn (2 tiết); 2 buổi/ngày (5 tiết).***

**4. Đối với lớp 4 đến lớp 5 (số tiết/tuần)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Lớp 4** | **Lớp 5** | **GC** |
| **I. Số tiết dạy học, giáo dục (theo QĐ16/2006/QĐ-BGD&ĐT)** | **25** | **25** | ***Đối với lớp 5, một số môn học, tiết học thực hiện điều chỉnh theo CTGDPT 2018*** |
| 1. Tiếng Việt | 8 | 8 |  |
| 2. Toán | 5 | 5 |  |
| 3. Đạo đức | 1 | 1 |  |
| 4. Kĩ thuật | 1 | 1 |  |
| 5. Khoa học | 2 | 2 |  |
| 6. Lịch sử | 1 | 1 |  |
| 7. Địa lí | 1 | 1 |  |
| 8. Âm nhạc | 1 | 1 |  |
| 9. Mỹ thuật | 1 | 1 |  |
| 10. Thể dục | 2 | 2 |  |
| 11. Chào cờ | 1 | 1 |  |
| 12. Sinh hoạt lớp | 1 | 1 |  |
| **II. HĐNGLL** | **1** | **1** |  |
| **III. Tự chọn** | **8** | **8** |  |
| 1. Tiếng Anh | 4 | 4 |  |
| 2. Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài | 1 | 1 |  |
| 3. Kĩ năng sống | 1 | 1 |  |
| 4. Tin học | 2 | 2 |  |
| **II. Số tiết dạy 2 buổi/ngày** | **1** | **1** |  |
| 1. Tiếng Việt\* (Toán\*) | 1 | 1 |  |
| **Tổng** | **35** | **35** |  |

\* Tiết SHL: Từ tuần 2 dạy tích hợp ATGT (Tuần 2,3,5,6,7), từ tuần 9 dạy tích hợp Đạo đức Bác Hồ, Tuần 4,8,12, … (các tuần cuối tháng dạy Tiết học Thư viện).

- GD Địa phương tích hợp trong các tiết: Lịch sử, Địa lí, Đạo đức,… (Các tổ chuyên môn lựa chọn cho phù hợp).

***\*Tổng số tiết /năm 1225 = Môn học bắt buộc (875 tiết) + HĐNGLL: (35 tiết) + Tự chọn (280 tiết) + 2 buổi/ngày (35 tiết)***

***Tổng số tiết /tuần 35 = Môn học bắt buộc (25tiết) + + HĐNGLL (1 tiết) + Tự chọn (8 tiết) + 2 buổi/ngày (1 tiết).***

Trên đây là hướng dẫn thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày của trường Tiểu học Duy Tân năm học 2022- 2023. Các tổ chuyên môn căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học năm học 2022-2023 và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Nếu có bổ sung, điều chỉnh, nhà trường sẽ hướng dẫn kịp thời.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Tổ chuyên môn, GV  - Nhà trường (lưu, thực hiện) | **TM. NHÀ TRƯỜNG**  **HIỆU TRƯỞNG z3639901987823_a641134f354203055c6fcd53e35b6a2d**  **Trần Thanh Thủy** |